BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12 BÀI 22:

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

Câu 1: Các cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tê cao của nước ta là

A. Cà phê, cao su, mía
B. Hồ tiêu, bông, chè
C. Cà phê, điều, chè
D. Điều, chè , thuốc lá

Câu 2: Một trong những nguyên nhân khiến ây công nghiệp phát triển mạnh mẽ ở nước ta trong những năm qua là

A. Thị trường được mở rộng, công nghiệp chế biến dàn hoàn thiện
B. Các khâu trồng và chăm sóc cây công nghiệp đều được tự động hóa
C. Nhà nước đã bao tiêu toàn bộ sản phẩm từ cây công nghiệp
D. Sản phẩm không bị cạnh tranh trên thị trường quốc tế

Câu 3: Cho biểu đồ

Tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi ở nước ta giai đoạn 2005-2014

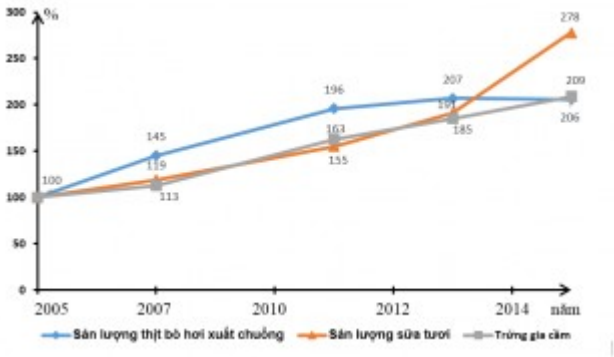

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi ổn định.
B. Sản lượng trứng gia cầm có tốc độ tăng nhanh nhất.
C. Sản lượng thịt bò hơi, sữa, trứng gia cầm đều tăng.
D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi không ổn định.

Câu 4: Việc mở rộng diện tích đất trồng cây lương thực của nước ta trong giai đoạn 1990 đến năm 2005 diễn ra chủ yếu ở:

A. Đồng bằng sông Hồng
B. Các đồng bằng duyên hải miền Trung
C. Đồng bằng sông Cửu Long
D. Miền núi và trung du

Câu 5: Ý nào dưới đây không phải là các xu hướng trong quá trình phát triển ngành chăn nuôi nước ta hiện nay?

A. Chú trọng sản xuất theo lối cổ truyền.
B. Đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hoá.
C. Chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp.
D. Tăng tỉ trọng sản phẩm không qua giết thịt.

Câu 6: Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng, chủ yếu do

A. đẩy mạnh thâm canh.
B. đẩy mạnh xen canh tăng vụ.
C. mở rộng diện tích canh tác.
D. áp dụng rộng rãi các mô hình quảng canh.

Câu 7: Cây dừa được trồng chủ yếu ở vùng

A. Bắc Trung Bộ.
B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 8: Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 18, hãy cho biết cây chè được trồng chủ yếu ở những vùng nào sau đây?
A. Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.
B. Trung du miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
C. Trung du miền núi Bắc Bộ, Đông Nam Bộ.
D. Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ.

Câu 9: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hai tỉnh có sô lượng trâu bò (năm 2007) lớn nhất nước ta là:
A. Quảng Ninh, Thanh Hóa
B. Thanh Hóa, Nghệ An
C. Thanh Hóa , Bình Định
D. Nghệ An, Quảng Nam

Câu 10: Vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta là
A. Đồng bằng sông Hồng.
B. Bắc Trung Bộ
C. Đồng bằng sông Cửu Long.
D. DH Nam Trung Bộ.

Câu 11: Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 18, hãy cho biết lợn được nuôi nhiều ở những vùng nào sau đây?
A. đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ.
B. Trung du miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
C. Đông Nam Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ.
D. đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 12: Lương thực là mối quan tâm thường xuyên của Nhà nước ta vì:
A. Điều kiện tự nhiên của nước ta không phù hợp cho sản xuất lương thực
B. Nhằm đáp ứng nhu cầu của đời sống, sản xuất và xuất khẩu
C. Do thiếu lao động trong sản xuất lương
D. Do phần lớn diện tích nước ta là đồng bằng

Câu 13: Căn cứ vào biểu đồ cây công nghiệp (năm 2007) ở Atlat địa lí Việt Nam trang 19, hai tỉnh nào dưới đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất nước ta ?
A. Kon Tum vag Gia Lai
B. Lâm Đồng và Gia Lai
C. Đắk Lắk và Lâm Đồng
D. Bình Phước và Đắk Lắk

Câu 14: Cho biểu đồ sau

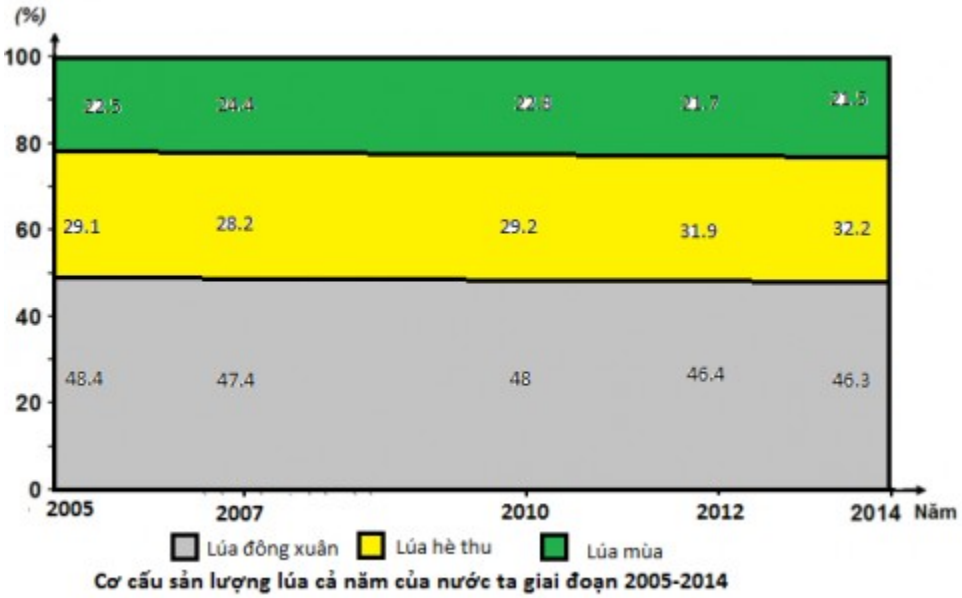

Cơ cấu sản lượng lúa cả năm của nước ta giai đoạn 2005-2014

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Sản lượng lúa đông xuân có tỉ trọng nhỏ nhất.

B. Sản lượng lúa hè thu có tỉ trọng nhỏ nhất.

C. Sản lượng lúa mùa có tỉ trọng đứng thứ 2.

D. Sản lượng lúa đông xuân có tỉ trọng lớn nhất.

Câu 15: Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

A. khả năng mở rộng diện tích cây công nghiệp không nhiều.

B. thiếu vốn để áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất.

C. thị trường có nhiều biến động, sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường khó tính.

D. khó khăn về đẩy mạnh thâm canh do trình độ người lao động hạn chế.

Câu 16: Ở Tây Nguyên, tỉnh có diện tích chè lớn nhất là:

A. Lâm Đồng. **B.** Đắc Lắc. **C.** Đắc Nông. **D.** Gia Lai.

Câu 17: Nhân tố quyết định đến quy mô, cơ cấu và phân bố sản xuất nông nghiệp nước ta là:

A. Khí hậu và nguồn nước. **B.** Lực lượng lao động.

C. Cơ sở vật chất - kĩ thuật. **D.** Hệ thống đất trồng.

Câu 18: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong nguồn thịt của nước ta là:

A. Thịt trâu. **B.** Thịt bò. **C.** Thịt lợn. **D.** Thịt gia cầm.

Câu 19: Các vùng trồng cây ăn quả hàng đầu nước ta là

A. Trung du miền núi Bắc Bộ và đồng bằng sông Hồng.

B. Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng.

C. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

D. Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 20: Các vùng trọng điểm sản xuất lương thực của nước ta hiện nay là

A. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ

B. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên

D. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 21: Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển cây công nghiệp lâu năm hiện nay ở nước ta là

A. công nghiệp chế biến chưa phát triển.
B. chậm thay đổi giống cây trồng.
C. thị trường tiêu thụ sản phẩm có nhiều biến động.
D. thiếu lao động có kinh nghiệm sản xuất.

Câu 22: Trong những năm qua, sản lượng lương thực của nước ta tăng lên chủ yếu là do

A. Tăng diện tích canh tác
B. Tăng năng suất cây trồng
C. Đẩy mạnh khai hoang phục hóa

Câu 23: Các cây công ngiệp hàng năm có giá trị kinh tế cao của nước ta là

A. Cà phê, cao su, mía
B. Lạc, bông, chè
C. Mía, lạc , đậu tương
D. Lạc, chè, thuốc

Câu 24: Các vùng trồng cây ăn quả lớn nhất ở nước ta:

A. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên
B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ
C. Tây Nguyên và Đồng bằng sông Hồng
D. Đông bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng.

Câu 25: Dựa vào bảng số liệu sau đây về diện tích cây công nghiệp của nước ta thời kì 1975 - 2002.

(Đơn vị : nghìn ha)

Năm	Cây công nghiệp hằng năm	
1975	210,1	
1980	371,7	
1985	600,7	
1990	542,0	
1995	716,7	
2000	778,1	
2002	845,8	

Nhận định đúng nhất là:

A. Cây công nghiệp hằng năm và cây công nghiệp lâu năm tăng liên tục qua các năm.
B. Cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh hơn và luôn chiếm tỉ trọng cao hơn.
C. Giai đoạn 1975 - 1985, cây công nghiệp hằng năm có diện tích lớn hơn nhưng tăng chậm hơn.
D. Cây công nghiệp lâu năm không những tăng nhanh hơn mà còn tăng liên tục.

Câu 26: Trong ngành trồng trọt, xu thế chuyển dịch hiện nay ở nước ta là:

A. Giảm tỉ trọng ngành trồng cây lương thực, tăng tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp.
B. Tăng tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp hằng năm, giảm tỉ trọng ngành trồng cây ăn quả.

C. Giảm tỉ trọng ngành trồng cây công nghiệp lâu năm, tăng tỉ trọng ngành trồng cây thực phẩm.

D. Tăng tỉ trọng ngành trồng cây thực phẩm, giảm tỉ trọng ngành trồng lúa.

Câu 27: Cho biểu đồ

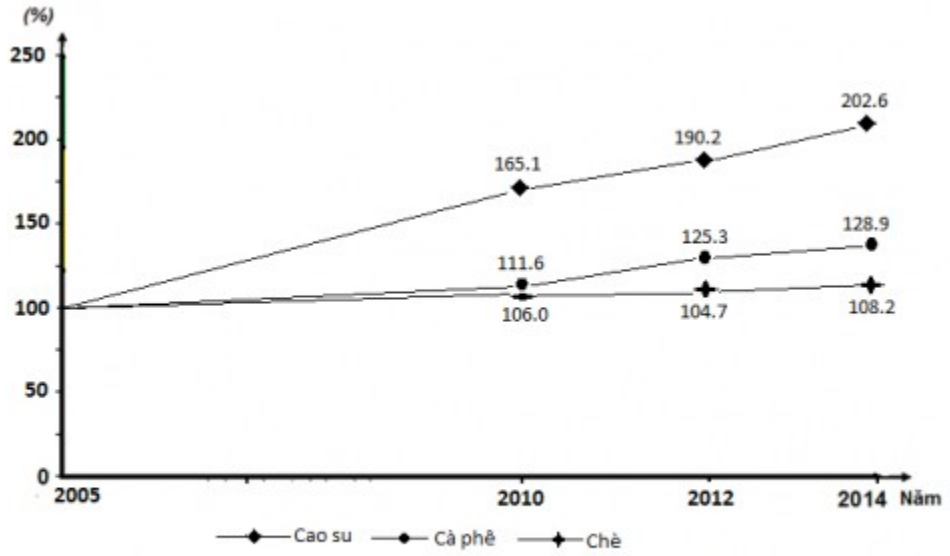

Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta, giai đoạn 2005 - 2014

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Diện tích gieo trồng cây cà phê, chè và cao su tăng như nhau.

B. Cây chè có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất và ổn định.

C. Diện tích gieo trồng cây cà phê, chè và cao su đều tăng.

D. Cây cà phê có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn cây cao su.

Câu 28: Đây là một trong những đặc điểm chủ yếu của sản xuất lương thực nước ta trong thời gian qua:

A. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng dẫn đầu cả nước về diện tích, năng suất và sản lượng lúa.

B. Sản lượng lúa tăng nhanh nhờ mở rộng diện tích và đẩy mạnh thâm canh nhất là đẩy mạnh thâm canh.

C. Sản lượng lương thực tăng nhanh nhờ hoa màu đã trở thành cây hàng hoá chiếm trên 20% sản lượng lương thực.

D. Nước ta đã trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới về xuất khẩu gạo, mỗi năm xuất trên 4,5 triệu tấn.

Câu 29: Vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước là

A. Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 30: Việc đảm bảo an ninh lương thực ở nước ta

A. nhằm đảm bảo lương thực cho hơn 90 triệu dân.

B. là cơ sở để đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp.

C. góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp chế biến.

D. góp phần cung cấp thức ăn cho ngành chăn nuôi, tạo nguồn hàng xuất khẩ

Câu 31: Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 18, những vùng nuôi nhiều bò ở nước ta là

A. Tây Nguyên, đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ.

B. Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

C. Bắc Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên.

Câu 32: Đây là vùng có năng suất lúa cao nhất nước ta:

A. Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Bắc Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 33: Để tăng sản lượng lương thực ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là

A. Đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất

B. Mở rộng diện tích đất trồng cây lương thực

C. Đẩy mạnh khai hoang, phục hóa ở miền núi

D. Kêu gọi đầu tư nước ngoài vào sản xuất nông nghiệp

Câu 34: Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh cả cây công nghiệp lâu năm lẫn cây công nghiệp ngắn ngày nhờ:

A. Có khí hậu nhiệt đới ẩm mang tính chất cận Xích đạo.

B. Có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến nhất nước.

C. Nguồn lao động dồi dào, có truyền thống kinh nghiệm.

D. Có nhiều diện tích đất đỏ ba dan và đất xám phù sa cổ.

Câu 35: Tây Nguyên là vùng chuyên canh lớn nhất về:

A. Cà phê, dâu tằm **B.** Cà phê, cao su

C. Cao su, dâu tằm **D.** Cà phê , chè

Câu 36: Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ trọng giá trị sản xuất cây công nghiệp tăng mạnh nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt là do

A. đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp chủ lực: cà phê, điều, hồ tiêu,…

B. tỉ trọng giá trị sản xuất các cây công nghiệp khác giảm.

C. đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp hàng năm.

D. thuận lợi về khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hoá bắc – nam.

Câu 37: Đối tượng lao động trong nông nghiệp nước ta là:

A. Đất đai, khí hậu và nguồn nước.

B. Hệ thống cây trồng và vật nuôi.

C. Lực lượng lao động.

D. Hệ thống cơ sở vật chất – kĩ thuật và cơ sở hạ tầng.

Câu 38: Trong các loại cây trồng dưới đây, cây nào là cây trồng chủ yếu ở trung du miền núi?

A. Cây lương thực. **B.** Cây rau đậu.

C. Cây ăn quả. **D.** Cây công nghiệp lâu năm.

Câu 39: Căn cứ vào biểu đồ tròn thuộc bản đồ chă nuôi ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, tỏng giai đoạn 2000- 2007, tỉ trọng giá trị snar xuất ngành chăn nuôi trong tổng giá trị snar xuất nông nghiệp tăng

A. 3,1% **B.** 5,1% **C.** 7,1% **D.** 9,1%

Câu 40: Ở nước ta trong thời gian qua, diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh hơn cây công nghiệp hằng năm cho nên:

A. Cơ cấu diện tích cây công nghiệp mất cân đối trầm trọng.

B. Sản phẩm cây công nghiệp hằng năm không đáp ứng được yêu cầu.
C. Cây công nghiệp hằng năm có vai trò không đáng kể trong nông nghiệp.
D. Sự phân bố trong sản xuất cây công nghiệp có nhiều thay đổi.

Câu 41: Trong thời gian qua, đàn trâu ở nước ta không tăng mà có xu hướng giảm vì:
A. Điều kiện khí hậu không thích hợp cho trâu phát triển.
B. Nhu cầu sức kéo giảm và dân ta ít có tập quán ăn thịt trâu.
C. Nuôi trâu hiệu quả kinh tế không cao bằng nuôi bò.
D. Đàn trâu bị chết nhiều do dịch lở mồm long móng.

Câu 42: Những thành tựu quan trọng nhất của sản xuất lương thực ở nước ta trong những năm qua là:
A. Bước đầu hình thành các vùng trọng điểm sản xuất lương thực hàng hóa
B. Sản lượng tăng nhanh, đáp ứng vừa đủ cho nhu cầu của hơn 90 triệu dân
C. Diện tích tăng nhanh, cơ cấu mùa vụ có nhiều thay đổi
D. Đảm bảo nhu cầu trong nước và trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới

Câu 43: Loại cây công nghiệp dài ngày mới trồng nhưng đang phát triển mạnh ở Tây Bắc là:
A. Cao su. **B.** Chè. **C.** Cà phê chè. **D.** Bông.

Câu 44: Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay là
A. thị trường có nhiều biến động. **B.** công nghiệp chế biến chưa phát triển.
C. giống cây trồng còn hạn chế. **D.** thiếu lao động có kinh nghiệm sản xuất.

Câu 45: Dựa vào Atlat ĐLVN trang 19, tỉnh có năng suất lúa cao nhất cao nhất đồng bằng sông Hồng hiện nay là
A. Nam Định. **B.** Thái Bình. **C.** Hải Dương. **D.** Hưng Yên.

Câu 46: Năng suất lúa cả năm của nước ta có xu hướng tăng, chủ yếu do
A. đẩy mạnh thâm canh. **B.** áp dụng rộng rãi các mô hình quảng canh.
C. đẩy mạnh xen canh, tăng vụ. **D.** mở rộng diện tích canh tác.

Câu 47: cây điều được trồng nhiều nhất ở:
A. Bắc Trung Bộ **B.** Đồng bằng sông Hồng
C. Đông Nam Bộ **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 48: Nhân tố có ý nghĩa hàng đầu tạo nên những thành tựu to lớn của ngành chăn nuôi nước ta trong thời gian qua là:
A. Thú y phát triển đã ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh.
B. Nhiều giống gia súc gia cầm có chất lượng cao được nhập nội.
C. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi ngày càng được bảo đảm tốt hơn.
D. Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước ngày càng tăng.

Câu 49: Đất nông nghiệp của nước ta bao gồm:
A. Đất trồng cây hằng năm, cây lâu năm, đất đồng cỏ và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản.
B. Đất trồng cây hằng năm, đất vườn tạp, cây lâu năm, đồng cỏ và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản.
C. Đất trồng lúa, cây công nghiệp, đất lâm nghiệp, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản.
D. Đất trồng cây lương thực, cây công nghiệp, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản.

Câu 50: Để đảm bảo an ninh về lương thực đối với một nước đông dân như Việt Nam, cần phải:

A. Tiến hành cơ giới hóa, thủy lợi hóa và hóa học hóa.
B. Khai hoang mở rộng diện tích, đặc biệt là Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đẩy mạnh thâm canh tăng vụ.
D. Cải tạo đất mới bồi ở các vùng cửa sông ven biển.

Câu 51: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hai vùng tập trung diện tích đất trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả ở ước ta là
A. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ
B. Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long
C. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long
D. Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ

Câu 52: Điều kiện tác động mạnh mẽ nhất đến việc phát triển chăn nuôi là
A. cơ sở thức ăn.
B. khí hậu nhiệt đới nóng ẩm.
C. các dịch vụ về giống, thú y.
D. lực lượng lao động có kỹ thuật.

Câu 53: Điều kiện quan trọng nhất để thúc đẩy sự phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta là
A. cơ sở thức ăn cần phải được đảm bảo tốt.
B. đẩy mạnh phát triển các sản phẩm không qua giết thịt.
C. cần sử dụng nhiều giống GS, GC cho năng suất cao.
D. Công tác vận chuyển SP chăn nuôi đi tiêu thụ cần được đổi mới.

Câu 54: Trong nội bộ ngành, sản xuất nông nghiệp nước ta đang chuyển dịch theo hướng:
A. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.
B. Tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi gia súc lớn, giảm tỉ trọng các sản phẩm không qua giết thịt.
C. Giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi gia súc lớn, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi gia cầm.
D. Tăng tỉ trọng trồng cây ăn quả, giảm tỉ trọng ngành trồng cây lương thực.

Câu 55: Căn cứ vào Atlat ĐLVN trang 19, hãy cho biết cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ở nước ta từ 2000-2007 thay đổi theo xu hướng nào sau đây?
A. Tăng tỉ trọng sản phẩm không qua giết thịt.
B. Tăng tỉ trọng chăn nuôi gia súc.
C. Tăng tỉ trọng chăn nuôi gia cầm.
D. Giảm tỉ trọng chăn nuôi gia súc.

ĐÁP ÁN

1	C	12	B	23	C	34	D	45	B
2	A	13	D	24	B	35	B	46	A
3	C	14	D	25	D	36	A	47	C
4	C	15	C	26	A	37	B	48	C
5	A	16	A	27	C	38	D	49	B
6	A	17	D	28	B	39	B	50	C
7	A	18	C	29	A	40	D	51	A
8	B	19	D	30	B	41	B	52	A
9	B	20	A	31	B	42	D	53	A
10	C	21	C	32	A	43	C	54	A
11	D	22	B	33	C	44	A	55	B